

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-ST

Ngày: 18-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Quyền;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tu, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tu, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tu, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Quang P, sinh năm 1980 tại tỉnh Bắc Giang; nơi thường trú: Thôn H, xã Trù H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Tổ 16, ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Trần Quang S, sinh năm 1957 và bà Mạc Thị Q, sinh năm 1962; bị cáo có 03 anh, em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1988; bị cáo có vợ tên Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2013; tiền sự, tiền án: Không.

- Nhân thân: Bản án số 151/2009/HSST ngày 29/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Chấp hành hình phạt tù xong ngày 06/02/2010, chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 28/02/2015).

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1971; nơi thường trú: Khu phố 2, phường Th, thành phố M, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ 1, Ấp 1, xã V, thị xã Tu, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Minh Tr; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang P, là đối tượng không có nơi cư trú nhất định, P làm thợ hồ và đi theo công trình (không rõ tên) tại khu vực phường Hòa Phú, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 22 tháng 10 năm 2018, do công trình không làm việc nên P nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, P tìm trong những dụng cụ tự trang bị riêng để đi làm công trình của mình và lấy 01 cái xà beng, 01 cái tua vít và 01 cái kìm cắt vào trong một cái ba lô màu đen. Sau đó, P đeo ba lô và đi bộ từ công trình ra khu vực trung T hành chính tỉnh Bình Dương thì gặp một người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) hành nghề xe ôm. P nói dối với người đàn ông chạy xe ôm chở P đến khu vực ngã ba Cổng Xanh thuộc xã B, huyện Bắc Tu, tỉnh Bình Dương để xin việc làm, thì người xe ôm đồng ý. Trên đường đi, P quan sát hai bên đường xem có nhà người dân nào để tài sản sơ hở thì tìm cách trộm cắp.

Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến khu vực Ấp 1, xã V, thị xã Tu, tỉnh Bình Dương thì P phát hiện nhà của bà Nguyễn Thị Hồng L đóng cửa, không có người trông coi nên P nảy sinh ý định vào nhà bà L để trộm cắp tài sản. P yêu cầu người lái xe ôm dừng lại rồi thanh toán tiền xe ôm. Sau đó, P đi bộ theo đường đất đỏ phía bên cạnh nhà bà L rồi leo qua hàng rào vào bên trong sân nhà bà L. P dùng xà beng và tua vít mang theo cạy cửa sau nhà bà L nhưng không được thì P lấy một cái thang bằng nhôm có sẵn trong khuôn viên nhà bà L leo lên cửa thông gió phía sau rồi dùng xà beng và tua vít tháo cửa thông gió leo vào trong nhà bà L. P đi đến phòng ngủ thứ nhất trong nhà bà L thì P lấy 01 (Một) máy tính xách tay hiệu Dell Vostro cùng dây sạc pin đang để trên bàn bỏ vào trong ba lô. P tiếp tục đi đến phòng ngủ thứ hai lấy 01 (Một) máy tính bảng hiệu Ipad Air 2 64GB, có kèm vỏ máy hiệu Kakusiga đang để trên bàn gỗ bỏ vào trong ba lô. Sau đó, P mở cửa sau nhà bà L rồi leo qua hàng rào ra ngoài. Ông Nguyễn Minh Tr là hàng xóm sát bên cạnh nhà bà L phát hiện P trộm cắp tài sản nên gọi điện báo Công an xã V rồi tri hô và cùng người dân xung quanh bắt giữ P và các vật chứng giao cho Công an xã V.

Công an xã V lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển giao P cùng hồ sơ và vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tu thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 263/KLTS-TTHS ngày 26/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Tu kết luận: 01 (Một) máy tính bảng hiệu Ipad Air 2, 64GB, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 9.500.000 đồng; 01 (Một) vỏ bao máy tính bảng Ipad Air 2 hiệu Kakusiga, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 100.000 đồng; 01 (Một) máy tính xách tay hiệu Dell Vostro, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 7.750.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.350.000 đồng.

Cáo trạng số 24/CT-VKSTU ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tu, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Quang P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tu, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Trần Quang P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Quang P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên

được coi là gây thiệt hại không lớn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h và s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Quang P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Hồng L đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên:

+ Trả lại cho bị cáo: 01 (Một) chứng minh nhân dân tên Trần Quang P; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng B2 tên Trần Quang P số 790186015285; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masster, màu đỏ đen, model A130, số IMEI: 301014169758775 và 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 82M1-055.22 tên Nguyễn Thị Mỹ L.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) cái xà beng bằng kim loại dài 50 cm, một đầu cong và một đầu dẹp; 01 (Một) cái tua vít dài 15 cm, cán bằng nhựa màu trắng - đỏ; 01 (Một) cái kìm màu đỏ; 01 (Một) ba lô màu đen; 01 (Một) áo sơ mi tay ngắn sọc trắng xanh và 01 (Một) quần jean dài màu xanh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Quá trình điều tra bị hại bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Bà L đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của bị cáo Trần Quang P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Vào khoảng 13 giờ ngày 22/10/2018, tại Ấp 1, xã V, thị xã Tu, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Quang P đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn

Thị Hồng L các tài sản gồm: 01 (Một) máy tính xách tay hiệu Dell Vostro, 01 (Một) máy tính bảng hiệu Ipad Air2:64GB, có vỏ máy hiệu Kakusiga và 01 (Một) sợi dây sạc pin máy tính xách tay hiệu Dell Vostro. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 17.350.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa P. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi và thái độ coi thường pháp luật nên cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được coi là thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h và s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 46 và 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 08/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tu đã trả lại các vật chứng thuộc quyền sở hữu của bị hại gồm: 01 (Một) máy tính xách tay hiệu Dell Vostro, 01 (Một) máy tính bảng hiệu Ipad Air 2 64GB, có vỏ máy hiệu Kakusiga và 01 (Một) sợi dây sạc pin máy tính xách tay hiệu Dell Vostro. Hội đồng xét xử thấy việc trả lại là phù hợp pháp luật.

Đối với các vật chứng gồm: 01 (Một) chứng minh nhân dân tên Trần Quang P; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng B2 tên Trần Quang P số 790186015285; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masster, màu đỏ đen, model A130, số IMEI: 301014169758775; 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 82M1-055.22 tên Nguyễn Thị Mỹ L. Đây là các tài sản và giấy tờ thuộc quyền sở hữu của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với các vật chứng gồm: 01 (Một) cái xà beng bằng kim loại dài 50 cm, một đầu cong và một đầu dẹp; 01 (Một) cái tua vít dài 15 cm, cán bằng nhựa màu trắng-đỏ; 01 (Một) cái kim màu đỏ; 01 (Một) ba lô màu đen; 01 (Một) áo sơ mi tay ngắn sọc trắng xanh và 01 (Một) quần jean dài màu xanh. Đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo được dùng làm công cụ phạm tội hoặc liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 299, 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Các Điều 38, 46 và Điều 47; các điểm h và s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quang P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quang P 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 22/10/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 và 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Trả lại cho bị cáo Trần Quang P các vật chứng gồm: 01 (Một) chứng minh nhân dân tên Trần Quang P; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng B2 tên Trần Quang P số 790186015285; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masster, màu đỏ đen, model A130, số IMEI: 301014169758775 và 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 82M1-055.22 tên Nguyễn Thị Mỹ L.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (Một) cây xà beng bằng kim loại dài 50 cm, một đầu cong và một đầu dẹp; 01 (Một) cây tua vít dài 15 cm, cán bằng nhựa màu trắng - đỏ; 01 (Một) cây kim màu đỏ; 01 (Một) ba lô màu đen; 01 (Một) áo sơ mi tay ngắn sọc trắng xanh và 01 (Một) quần jean dài màu xanh.

4. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Quang P phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1 Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2 Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tu (01);
- Công an thị xã Tu (03);
- Chi cục THADS thị xã Tu (01);
- Người tham gia tố tụng (04);
- Lưu: VT, HS (02).

Đào Văn Hưng

